

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2020

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú.**

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng;

- Ông Nguyễn Lâm Tới.

**Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol** - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa:** bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HN, ngày 05 tháng 03 năm 2020 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXX-ST ngày 28/10/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trương Ngọc Đ (tên gọi khác D) sinh năm 1976, có mặt.
2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1979, vắng mặt.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị V, sinh năm 1965, vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã N1, huyện T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trương Ngọc Đ trình bày:*

Anh và chị L tìm hiểu nhau, được hai gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc; Thời gian sau, không rõ lý do gì mà L tự ý bỏ anh đi vào đầu năm 2019; vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, không cự cãi nhau. Từ lúc chị L bỏ đi, vợ chồng

sống ly thân đến nay, anh Đ không còn liên lạc với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có một đứa con chung tên Trương Ngọc C, sinh ngày 27/5/1999, con chung đã trưởng thành, có thu nhập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có.

### *2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

- Về hôn nhân: chị L thống nhất điều kiện tiền đến hôn nhân giữa chị và anh Đ. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ thường kiểm chuyện mỗi khi chị đi thăm mẹ ruột về, thậm chí anh Đ không cho chị sử dụng phương tiện đi lại như xe đạp, xe Mô tô Đ đi thăm gia đình. Ngoài ra, anh Đ có tính đàn ông giữ tiền, mỗi lần chị muốn mua đồ dùng phải chờ ý kiến của anh mới được mua, chị không chịu cảnh này được nên chị bỏ nhà đi từ 2019 và sống ly thân cho đến nay, không còn liên lạc nhau nữa. Đối với yêu cầu ly hôn của anh Trương Ngọc Đ thì chị L hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh Đ có có một đứa con chung tên Trương Ngọc C, sinh ngày 27/5/1999, con chung đã trưởng thành và có thu nhập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu chia tài sản chung do anh Đ đang quản lý gồm: 02 (hai) chiếc xe HONDA hiệu Wase Alpha, trị giá hai chiếc xe là 30.000.000<sup>d</sup> (ba mươi triệu đồng) và 03 bộ vòng vàng 12 (mười hai) chỉ vàng 18Kara trị giá 30.000.000<sup>d</sup> (ba mươi triệu đồng). Tổng cộng giá trị tài sản chung là 60.000.000<sup>d</sup> (sáu mươi triệu đồng).

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin rút đơn yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), nguyên đơn có mặt; không ai giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm.

*3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án còn Đ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa anh Đ với chị L không còn hạnh phúc, nếu kéo dài cũng không hàn gắn tình trạng hôn nhân. Hơn nữa anh Đ với chị L sống chung với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, hôn nhân không hợp pháp nên không làm phát sinh quyền , nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đ với chị L.

- Về con chung : Anh Đ và chị L có một đứa con chung tên Trương Ngọc Chi, sinh ngày 27/5/1999, con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: anh Đ không yêu cầu chia tài sản chung; bị đơn chị L có yêu cầu chia tài sản chung nhưng sau đó rút lại đơn yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này ; về nợ chung: không có, không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn chị L có nơi cư trú tại ấp N, xã N1, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng : bị đơn chị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa anh Đ và chị L được xác lập vào năm 1997, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 Đ giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### **- Về nội dung vụ án:**

[4] Về quan hệ hôn nhân: giữa anh Đ và chị L tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có đăng ký kết hôn, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2000, nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 nên trường hợp này, anh Đ, chị L có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Đ với chị L.

[5] Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị L có một đứa con chung tên Trương Ngọc C, sinh ngày 27/5/1999, con chung đã trưởng thành, có thu nhập từ lao động việc làm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn anh Đ không yêu cầu chia tài sản chung; bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và cả hai người cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn chị L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung thì Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn anh Trương Ngọc Đ là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L rút yêu cầu chia tài sản chung nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** *Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Ngọc Đ.*

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trương Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc L là vợ chồng.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Anh Trương Ngọc Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0009178 ngày 05 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng phí 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) cho chị Nguyễn Thị Ngọc L theo biên lai thu số TU/2017/0009334 ngày 20 tháng 05 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo Đ yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2);
- VKS huyện Tịnh Biên (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1)
- THA huyện huyện Tịnh Biên (1);
- Lưu Vp, Hs (2).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nam Phú**